

Số: 627/TTYT-KD

Chu Văn An, ngày 10 tháng 12 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty, đơn vị cung cấp dịch vụ Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT; Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Hiện nay Trung tâm Y tế Chí Linh (địa chỉ tại: Số 358 Nguyễn Trãi – P. Chu Văn An- Tp. Hải Phòng) đang có kế hoạch nhu cầu thuê Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT; Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế của Trung tâm Y tế Chí Linh.

Để có cơ sở tham khảo giá, lựa chọn nhà thầu tư vấn phù hợp, đề nghị quý Công ty, đơn vị tư vấn có đủ năng lực, chức năng quan tâm xin gửi Hồ sơ báo giá, chi tiết cụ thể như sau:

- Dự toán gói thầu: 1.788.587.470 đồng (Một tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng chẵn)(Chi tiết có danh mục kèm theo).

Bảng chào giá, với nội dung danh mục như sau:

STT	Tên gói thầu	Chi phí tư vấn (VNĐ)
01	Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT các gói thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế của Trung tâm Y tế Chí Linh.	
02	Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu Mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế của Trung tâm Y tế Chí Linh.	

1. Thời hạn nộp báo giá: Từ ngày 10/12/2025 đến hết 16h30 ngày 15/12/2025.

2. Nơi nhận báo giá:

- Ban giấy gửi về Khoa Dược- TTb-VTTYT của Trung tâm Y tế Chí Linh (địa chỉ tài: Số 358 Nguyễn Trãi – P. Chu Văn An- Tp. Hải Phòng).
 - Người nhận: Nguyễn Huy Phúc; Số điện thoại: 0989.388.525
 - File mềm: gửi về địa chỉ gmail phuocduoccl@gmail.com
- Rất mong Quý Công ty, đơn vị tham gia báo giá đề có cơ hội hợp tác cung cấp dịch vụ cho chúng tôi.
- Trung tâm Y tế Chí Linh xin trân trọng cảm ơn!

GIÂM ĐỐC



Đặng Đức Thiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

(Kèm theo Công văn số: 427/TTYT-KD ngày 10/12/2025 của Trung tâm Y tế Chi Linh)



PHỤ LỤC DANH MỤC MUA SẴM

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản			Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bông y tế 1kg	- 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút rất cao. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. - Độ acid và độ kiềm: Trung tính; - Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. - Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo Zinc oxide và các thành phần: Zinc dibutyl dihiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers. - Tiêu chuẩn CE châu âu. - Kích thước 1,25cm x 5m. - Có ít nhất 01 CFS do Châu âu cấp. - Xuất xứ Asean.			Cuộn/gói	500	136.500	68.250.000
2	Băng keo lụa cuộn 1,25cm x 5m	- Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. - Mật độ $\geq (20 \times 14)$ sợi/inch. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng.			Cuộn	2.000	18.900	37.800.000
3	Băng cuộn y tế 9cm x 2,5m	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. - Mật độ: $\geq (20 \times 18)$ sợi/ inch. - Trọng lượng 25-27 g/m². - Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng.			Cuộn	9.000	1.155	10.395.000
4	Gạc hút y tế khổ 0,8m	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. - Mật độ: $\geq (20 \times 18)$ sợi/ inch. - Trọng lượng 25-27 g/m². - Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. - Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép.			Mét	6.000	4.200	25.200.000

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
5	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp vỏ trùng	- Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. - Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. - Trọng lượng 25-27 g/m². - Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố - Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. - Độ pH: trung tính. - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135. - Xuất xứ: Việt Nam	miếng	10.000	378	3.780.000
6	Kẹp rốn	- Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm - Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) giữ tiêu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. - Ống nghiệm chịu được ly tâm với tốc độ ≥ 6000 vòng/phút. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	200	1.470	294.000
7	Ống nghiệm chống đông EDTA	- Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm - Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. - Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. - Ống nghiệm chịu được ly tâm với tốc độ ≥ 6000 vòng/phút - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Cái	12.000	777	9.324.000
8	Ống nghiệm chống đông Heparin					

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
		- Xuất xứ: Việt Nam				
9	Túi đựng mẫu	Túi mẫu đơn dung tích lưu trữ 250ml. - Kim lấy mẫu cỡ $\geq 16G$, có nắp đậy. - Chiều dài dây lấy mẫu $\geq 950mm$ Ổng dây có đường kính ngoài $4,5 \pm 0,1 mm$, đường kính trong $3,0 \pm 0,1 mm$; - Có chứa sẵn dung dịch chống đông theo quy định. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cái	10	44.100	441.000
10	Đầu côn vàng	Sử dụng cùng Micropipet để hút các mẫu chất lỏng. Sản phẩm sử dụng một lần. Dung tích 200ul	Chiếc	2.000	48	96.000
11	Đầu côn xanh	Sử dụng cùng Micropipet để hút các mẫu chất lỏng. Sản phẩm sử dụng một lần. Dung tích 1.000ul	Chiếc	3.000	105	315.000
12	Giấy in điện tím 6 cần	Kích thước giấy: 110mm x 140mm x 143 tờ Giấy không có dòng kẻ	Xấp	300	31.500	9.450.000
13	Đề lưới gỗ	Tiết trùng Dùng một lần. Kích thước: 150 x 20 x 2mm.	Cái	20.000	294	5.880.000
14	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt polypropylen cao cấp Màu xanh đồng đều, không loang bầm, ko dính tạp chất. Không kích ứng da. Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	2.000	861	1.722.000
15	Bột bó thạch cao 20cm x 2,7m	Làm từ bột thạch cao liên gác (Thạch cao $\geq 90\%$, gác 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn	Cuộn	3.000	23.100	69.300.000
16	Lưới dao mổ các số	Chất liệu thép carbon (thép không gỉ) được dùng để cắt da và mô trong phẫu thuật. Tiệt trùng. Các cỡ, trọng lượng $\leq 24g$ - Làm từ chất liệu PVC hoặc tốt hơn - Chiều dài dây $\geq 150cm$ - Kim truyền tĩnh mạch làm bằng thép không gỉ, kim xuyên nút chai làm bằng nhựa ABS hoặc tốt hơn - Loại kim: không cánh bướm	Cái	2.000	1.995	3.990.000
17	Dây truyền dịch		Sợi/bộ	10.000	4.305	43.050.000

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
		- Size kim: 21G - Có van khoá điều chỉnh tốc độ truyền dịch. Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Có bầu cao su tiếp thuốc - Van thoát khí có màng lọc vi khuẩn - Tiệt trùng bằng khí EO				
18	Dây oxy 2 nhánh	- Làm từ nhựa PVC hoặc tốt hơn - Dây mềm. Chiều dài dây $\geq 2m$ - Tiệt trùng bằng khí EO - Có 03 cỡ	Sợi/cái	1.000	5.040	5.040.000
19	Dây hút đàm nhớt	Các cỡ. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương. Độ dài $\geq 500mm$. Tiệt trùng bằng khí EO - Làm từ nhựa PVC hoặc tốt hơn. - Dây dẫn chính có chiều dài $\geq 2m$. - Mặt nạ có dây đeo đàn hồi. Bầu đựng thuốc $\geq 6ml$. Tốc độ phun sương từ 0.60ml - $>0.70ml/phút$. Giọt phun sương từ 0.010ml $\rightarrow$ 0.014ml/giọt. Lưu lượng 4.8L/Phút - Bao gồm: mặt nạ, cốc thuốc, dây nối, thất lưng đàn hồi, kẹp mũi (nhôm flake) có thể điều chỉnh và ống nối - Gồm các cỡ - Tiệt trùng bằng khí EO	Sợi/cái	2.000	2.415	4.830.000
20	Mask khí dung các số	- Làm từ nhựa PVC, trong suốt - Mặt nạ oxy gồm: mặt nạ có kẹp mũi có thể điều chỉnh được và dây thun đeo đàn hồi, dây nối có chiều dài $\geq 2m$, ống dây chống vặn xoắn. Tốc độ dòng chảy cho mặt nạ oxy là từ 4 đến 8 LPM (4-8L/min). - Tiệt trùng bằng khí EO - Gồm các cỡ	Cái	1.000	12.810	12.810.000
21	Mask oxy các số	- Làm từ nhựa PVC, trong suốt - Mặt nạ oxy gồm: mặt nạ có kẹp mũi có thể điều chỉnh được và dây thun đeo đàn hồi, dây nối có chiều dài $\geq 2m$, ống dây chống vặn xoắn. Tốc độ dòng chảy cho mặt nạ oxy là từ 4 đến 8 LPM (4-8L/min). - Tiệt trùng bằng khí EO - Gồm các cỡ	Cái	20	9.450	189.000
22	Kim lùn tĩnh mạch có cửa bơm thuốc các số	- Kim lùn tĩnh mạch ngoài biên, có cánh, có cửa các cỡ. - Kim thép không rỉ 304, không rò rỉ chất độc hại, độ dày mũi kim: $\leq 0.05\text{ mm}$.	Cái	7.000	6.363	44.541.000

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
		- Ống thông: vật liệu Polyurethane, màng lọc PTFE, có ≥ 3 đường cân quang ngăn - Có 07 cỡ; Đường kính; chiều dài; Lưu lượng tối thiểu: + Size 14G: 1.9 x 42 mm/ 265 ml/phút, + Size 16G: 1.6 x 42 mm/ 170 ml/phút, + Size 17G: 1.4 x 42 mm/ 135 ml/phút, + Size 18G: 1.2 x 40 mm/ 100 ml/ phút, + Size 20G: 1.0 x 32 mm/ 60 ml/ phút, + Size 22G: 0.8 x 25 mm/ 30 ml/ phút, + Size 24G: 0.7 x 19 mm/ 18 ml/phút. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Đạt tiêu chuẩn ISO 14001; ISO 13485				
23	Chỉ không tiêu đơn sợi các số (Chỉ Nylon các số)	- Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide 6.0 hoặc 6.6 (nylon) - Các số 1; 2/0; 3/0; 4/0; 5/0 dài 75cm kim tam giác 3/8C vòng kim trong khoảng từ 16mm đến 30mm tương ứng số chỉ. - Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP - Đóng gói bằng giấy Tyvek. - Kim bằng thép không gỉ.	Sợi	2.000	21.000	42.000.000
24	Đầu côn trắng	Phù hợp với các loại Micropipet thông thường. Đầu côn có thiết kế ôm kín đầu cây micropipet	Cái	3.000	126	378.000
25	Ống nghiệm thủy tinh 16mm x 160mm	Chất liệu: Thủy tinh Kích thước: 16mm x 160mm Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP. Định lượng 30g/m ² - 40g/m ² màu xanh. Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông.	Ống	2.000	1.575	3.150.000
26	Săng mủ 60 x 60cm (vải không dệt, tiệt trùng)	Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi. Không có kim loại nặng. Không có vi sinh vật hiếu khí, không có men-mốc. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	1.000	2.520	2.520.000

STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
27	Bao cao su tránh thai	Làm bằng latex tự nhiên, trong mờ, không màu, không mùi. Chiều dài: ≥ 170 mm; Chiều rộng: $52 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$. Độ dày: $0,065 \text{ mm} \pm 0,015 \text{ mm}$. Độ nhớt: 200-350 CS	Chiếc	2.000	735	1.470.000
28	Găng tay latex y tế có bột	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không bột, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: $\geq 7,0\text{N}$; Sau già hóa: $\geq 6,0 \text{ N}$. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn $\leq 2\text{mg/dm}^2$; Hàm lượng Protein dưới $200 \text{ }\mu\text{g/dm}^2$. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485.	Đôi	70.000	1.218	85.260.000
29	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dày trung bình $0,15 \div 0,20 \text{ mm}$, Chiều dài trung bình $\geq 270 \text{ mm}$ Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6,5: $83 \pm 5 \text{ mm}$, Size 7: $89 \pm 5 \text{ mm}$, Size 7,5: $95 \pm 5 \text{ mm}$. Cường lực khi đứt trước lão hóa: min 12,5N, sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max $200 \mu\text{g/dm}^2$, Mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485.	Đôi	10.000	3.990	39.900.000
30	Born tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba	Cái	20.000	725	14.500.000